

Số: 12 /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 18/03 đến ngày 24/03/2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời mát, nắng nhẹ, mưa rào rải rác. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 78 mm (cao hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 23⁰C (cao hơn CKNT), cao nhất 29⁰C, thấp nhất 19⁰C.

Ẩm độ trung bình 77 - 85,7% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 15 - 26 giờ (xấp xỉ CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 đến nay ước đạt 37.634,9 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa gieo thẳng: 541,0 ha.

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,8 ha (làm đòng);

+ Lúa Xuân muộn 26.752 ha (cuối đẻ nhánh - đứng cái - làm đòng).

- Ngô: 2.119,5 ha (PTTL);

- Đậu tương: 55,0 ha (PTTL);

- Lạc: 1.511,7 ha (PTTL);

- Khoai lang: 123,4 ha (PTTL)

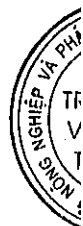
- Rau các loại: 2.173,0 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.894,5 ha (các giai đoạn).

Trong tuần trời nắng nhẹ, có mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại nhẹ - trung bình.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,1 con (xấp xỉ kỳ trước), nơi cao 2 con (Sông Lô); Sâu đục thân cú mèo 0,12 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Vĩnh Tường); Rầy nâu 1,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,51 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 8 con (Lập Thạch); Rầy xanh đuôi đen 0,1 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương, Bình Xuyên); Sâu cuốn lá nhỏ 0,31 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Bình Xuyên, Vĩnh Tường).



1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ diện ô, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 3 - 5%, cục bộ trên 20% (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 3, 4) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 0,8%, cao 2 - 4% (Sông Lô, Vĩnh Tường, Yên Lạc).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,1 - 0,2 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5) hại rải rác, mật độ phổ biến 10 - 20 con/m², cao 100 - 200 con/m², cục bộ 1000 con/m² (Lập Thạch).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đầm, gần đường đi, nơi khô nước, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 5 - 8%, cục bộ 10% (Bình Xuyên).

Ngoài ra ốc bươu vàng, bọ trĩ, ruồi đục lá hại rải rác.

- Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 2 - 3%, cao 5 - 8%, cục bộ > 10% (Tam Dương, Tam Đảo).

+ Ruồi đục lá gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 4 - 5%, cục bộ 10% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,2 - 0,3%, nơi cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Tam Dương, Phúc Yên).

Ngoài ra ốc bươu vàng, bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m², mật độ sâu tơ phổ biến 3 - 5 con/m² (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 8 - 10% (Tam Đảo).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xít, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 25/03 - 31/03

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, chuột tiếp tục phát sinh gây hại rải rác. Chú ý theo dõi bệnh đạo ôn phát sinh gây hại vùng chiêm trũng trên các giống lúa NX30, Xi23, X21, J02, nếp ... phát hiện sớm, kịp thời tổ chức phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu.

- Trên lúa Xuân muộn: Chú ý sâu đục thân, chuột, ruồi đục lá, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn... hại rải rác.

2. Cây ngô: Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Điều tra sinh trưởng của cây lúa, bón thúc đòng đúng thời điểm tạo tiền đề cho năng suất lúa vụ Xuân. Trong giai đoạn lúa đứng cái - làm đòng cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để cây lúa dưỡng đòng.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng trừ kịp thời (chú ý bệnh đạo ôn, bọ trĩ, ruồi đục lá, chuột,... hại lúa).

- Trạm Trồng trọt và BVTV các huyện, thành phố chủ động phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) tiếp tục đôn đốc chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân 2019 - 2020 đảm bảo theo sự chỉ đạo của sở Nông nghiệp & PTNT.

2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn khi ruộng có tỷ lệ bệnh từ 5 - 10% lá hại cần phun ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu để trừ bệnh như: : Bump 600WP, Fuji-one 40EC, Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, Kabim



30WP... Những ổ bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp. Những diện tích lúa có mật độ rầy từ 1.000 con/m², sử dụng một trong các loại thuốc sau để phòng chống: Chess 50WG, Cheestar 50WG, Actara 25WG, Mydan 10WP...

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc “4 đúng” và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trưởng thành một số loại sâu hại./.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 18/03 - 24/03/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

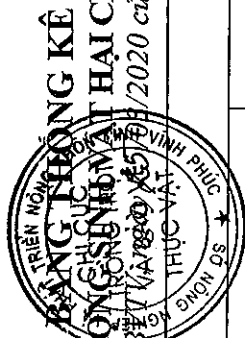
(03/3) đk

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bá Tuệ

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 18/03 - 24/03/2020
(Kèm theo Thông báo số 42/TB-CCIT & BVTV và Báo cáo số 15/BTCV-VTV/2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)



Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại						Diện tích nhiễm (ha)						DTPT (ha)	Phân bố			
			ĐVT		TB		Nặng		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr	DTN			CKNT		
			%DH	%LH	Con/m ²	3	6	5										26	43
Lúa xuân sớm	Làm đòng	Chuột	%DH	3	6	%LH	5	26	43	32	11						Rải rác		
		Đạo ôn	%LH	5		%DH	750		0,7	0,5		0,2					1,1	Cục bộ	
		Rầy	Con/m ²	750					2	2									Cục bộ
Lúa xuân muộn	Đẻ nhánh - đứng cái - làm đòng	Chuột	%DH	4,9	8	%DH	10	15	337	269	63	5					4201	Rộng	
		Ruồi đục lá	%DH	10					7	7								2	Cục bộ
		Khô vằn	%DH	10					30	30								10	Rải rác
Cây ngô	PTTL	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2				1	1									Cục bộ	
Cây ăn quả	Ra lộc - ra hoa	Sương mai	%LH	12,5				10	10									Rải rác	
Tổng									430,7	351,5	74	5,2				4.464			

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mát trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dánh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.